

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI VIỆT NAM TRONG VIỆC THỰC HIỆN CÁC KHUYẾN NGHỊ CỦA ỦY BAN LIÊN HỢP QUỐC VỀ CHỐNG TRA TẤN

TS Nguyễn Thị Lan & TS Trần Thu Hạnh
Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

Đặt vấn đề

Là một thành viên của Công ước Chống tra tấn, Việt Nam có nghĩa vụ tiếp tục rà soát và triển khai đồng bộ các giải pháp lập pháp, hành chính và tư pháp trong đấu tranh phòng, chống tra tấn. Sau khi phê chuẩn Công ước Chống tra tấn, Việt Nam được đánh giá là một thành viên có trách nhiệm và tích cực của Công ước này. Sự đánh giá đó dựa trên những nỗ lực của Việt Nam trong việc nhanh chóng hoàn thiện khung khổ pháp lý đáp ứng các yêu cầu của Công ước Chống tra tấn. Tuy nhiên, trong kết luận về Báo cáo quốc gia lần thứ nhất về Thực thi Công ước của liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người (sau đây gọi tắt là Công ước chống tra tấn), Ủy ban chống tra tấn của Liên hợp quốc vẫn bày tỏ quan ngại về một số vụ tra tấn xảy ra gần đây trong nước và đưa ra một số khuyến nghị đối với Việt Nam trong việc thực hiện có hiệu quả Công ước này.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam một mặt phải tập trung thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế đất nước, mặt khác phải thực hiện những cam kết quốc tế mà mình đã ký kết. Việc cùng lúc thực hiện cả hai điều là trọng trách vốn không phải điều dễ dàng. Mặc dù vậy, ngay từ trước khi ký kết Công ước Chống tra tấn thì Việt Nam trong quá trình ban hành chính sách, pháp luật và thực thi pháp luật đã vốn coi trọng và bảo vệ các giá trị về quyền con người, do đó việc ký kết Công ước nói trên có thể nói là được chuẩn bị tương đối sẵn sàng. Song bên cạnh đó, vì còn là nước đang phát triển, nguồn lực kinh tế còn mỏng và trình độ nhận thức của cán bộ và nhân dân về chống tra tấn còn chưa được toàn diện. Điều này là một thách thức không nhỏ đối với Việt Nam trong việc thực hiện Công ước.

Từ những lý do trên, việc nghiên cứu làm rõ những cơ hội cũng như thách thức đối với Việt Nam trong việc thực hiện các khuyến nghị của Ủy ban Chống tra tấn của Liên hợp quốc thông qua phân tích thực trạng pháp lý và thực trạng thực thi pháp luật về chống tra tấn tại Việt Nam để trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp thúc đẩy hiệu quả công tác phòng và chống tra tấn ở Việt Nam hiện nay có ý nghĩa góp phần bảo đảm thực thi hiệu quả Công ước Chống tra tấn ở quốc gia này. Bài viết tập trung chủ yếu vào vấn đề chống tra tấn trong lĩnh vực tư pháp hình sự.

1. Thực trạng pháp lý về phòng chống tra tấn tại Việt Nam

Trong lịch sử lập hiến của Việt Nam, cấm tra tấn, đánh đập, ngược đãi đã từng được quy định trực tiếp trong Hiến pháp năm 1946¹ nhưng chỉ đối với bị cáo hoặc tội nhân, nghĩa là phạm vi cấm tra tấn chỉ trong lĩnh vực tư pháp chứ chưa phải là trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, khi đó chỉ cán bộ thuộc cơ quan tư pháp mới bị coi là chủ thể của hành vi tra tấn vì quy định này thuộc Chương 6 về Cơ quan tư pháp. Sau Hiến pháp năm 1946, các bản hiến pháp năm 1959, 1980 và 1992 tuy không trực tiếp nhắc lại cụm từ "tra tấn" nhưng có sự đề cập tới các cụm từ "bất khả xâm phạm về thân thể", "truy bức, nhục hình", "xúc phạm danh dự, nhân phẩm"...

Đến bản Hiến pháp hiện hành, ngay sau khi Công ước của Liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người được Việt Nam ký kết vào ngày 07/11/2013 thì ngày 28/11/2013 Quốc hội nước ta cũng đã thông qua bản Hiến pháp năm 2013. Như vậy, Hiến pháp năm 2013 được thông qua chỉ sau vài tuần so với thời điểm Việt Nam ký kết Công ước Chống tra tấn. Tuy nhiên từ rất sớm, khi Dự thảo Hiến pháp được đưa ra lấy ý kiến người dân thì quy định "Nghiêm cấm mọi hành vi tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử khác xâm phạm thân thể, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của con người" đã được đưa vào trong Dự thảo². Do đã có sự chuẩn bị sẵn sàng từ trước như vậy nên quyền "không bị tra tấn,

¹ Điều thứ 68 Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1946.

² Khoản 2 Điều 22 Dự thảo được đăng tải để lấy ý kiến nhân dân từ ngày 2-1-2013 đến ngày 31-03-2013 trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ Việt Nam, xem tại: http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/congdan/DuThaoVanBan?_piref135_27935_135_27927_27927.m ode=detail&_piref135_27935_135_27927_27927.id=748

bạo lực, truy bức, nhục hình..." của con người cũng đã được chính thức ghi nhận trực tiếp như là một nguyên tắc chung trong văn bản pháp lý có hiệu lực tối cao này. Theo đó, khoản 1 Điều 20 Hiến pháp năm 2013 quy định: "Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm". Chúng ta dễ dàng nhận thấy quy định này đã được trau chuốt một số từ ngữ để diễn đạt nhằm bảo đảm tương thích về ngữ nghĩa so với Công ước chống tra tấn. Qua đó cho thấy Quốc hội Việt Nam đã rất nghiêm túc và phát huy tinh thần trách nhiệm cao trong việc thực hiện cam kết quốc tế với tư cách là thành viên của Công ước nói trên.

Không chỉ có Hiến pháp mà tất cả các văn bản luật trong hệ thống pháp luật của Việt Nam khi xây dựng phương án sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới đều luôn xác định một trong các yêu cầu cần phải được đáp ứng đó là nhằm nội luật hoá các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Mặc dù một số đạo luật trước đây (chẳng hạn như Bộ luật hình sự (năm 1985, 1999), Bộ luật tố tụng hình sự (năm 1989, 2003), Luật Thi hành án hình sự (năm 2010)...) vốn dĩ đã có những quy định cấm các hành vi xâm hại đến tính mạng, sức khỏe và nhân phẩm, danh dự của con người, song rất hiếm văn bản trực tiếp đề cập tới "tra tấn", "tàn bạo"..., hoặc nếu có đề cập tới cụm từ "nhục hình" hay "nhân phẩm" thì cũng khá hạn chế. Tuy nhiên, với sự ra đời của Hiến pháp năm 2013, hàng loạt các văn bản nói trên đã được cập nhật đầy đủ hơn, cụ thể như sau:

Bộ luật hình sự năm 2015, ngoài việc cấm những hành vi "tàn ác", "làm nhục", "nhục hình", gây thiệt hại cho "sức khỏe" con người và "xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự", của con người thì có sự bổ sung thêm các hành vi bị cấm khác như: hành vi "đối xử tàn bạo", "trừng phạt tàn bạo", "hạ nhục", "vô nhân đạo", "tra tấn". Trong đó có một số trường hợp quy định "Tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục phẩm giá nạn nhân" là tình tiết định khung hình phạt tăng nặng tại điểm b khoản 3 Điều 157 về Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật; "Dùng nhục hình hoặc đối xử tàn bạo, hạ nhục nhân phẩm" là tình tiết định khung hình phạt tăng nặng tại điểm d khoản 2 Điều 374 về Tội bức cung. Các trường hợp còn lại được quy định trong câu thành tội phạm cơ bản với tư cách là tình tiết định tội.

Bộ luật tố tụng hình sự 2015 ngoài việc quy định bảo hộ tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người và cấm truy bức, nhục hình thì đã bổ sung thêm quy định nghiêm cấm tra tấn, hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, tính mạng, sức khỏe của con người³.

Đặc biệt, trong các hoạt động về tư pháp hình sự thì bị can, bị cáo và phạm nhân luôn là những đối tượng dễ bị tổn thương và pháp luật Việt Nam cũng có nhiều thay đổi tích cực nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Chẳng hạn, trước khi có Luật thi hành tạm giữ, tạm giam, các hoạt động tạm giữ, tạm giam phải tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và Quy chế về Tạm giữ, tạm giam năm 1998 (sửa đổi, bổ sung năm 2011), theo đó Quy chế này mới quy định "Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của những người bị tạm giữ, tạm giam"⁴. Tuy nhiên, khi Luật thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 ra đời đã bổ sung quy định về nguyên tắc bảo đảm nhân đạo; không tra tấn, truy bức, dùng nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, người bị tạm giam⁵. Tiếp đó, qua nghiên cứu cho thấy Luật Thi hành án hình sự năm 2010 mới chỉ quy định nguyên tắc bảo đảm nhân đạo, tôn trọng nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của người chấp hành án mà thiếu vắng quy định về việc tôn trọng và bảo đảm sức khỏe của người chấp hành án. Và tất nhiên đến thời điểm hiện tại, Luật này đã bị thay thế bởi Luật Thi hành án hình sự năm 2019 với những quy định tương đối cụ thể và phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 cũng như phù hợp với quy định của Công ước Chống tra tấn. Theo đó, Luật Thi hành án hình sự năm 2019 bên cạnh quy định về nguyên tắc bảo đảm nhân đạo; tôn trọng danh dự, nhân phẩm, quyền, lợi ích hợp pháp của người chấp hành án⁶ thì còn có thêm quy định cấm tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục người chấp hành án.⁷

Như vậy, xét từ khía cạnh pháp lý trong lĩnh vực tư pháp hình sự, chúng ta có cơ sở để đánh giá hệ thống pháp luật Việt Nam đã được nâng cấp tương đối toàn diện để ngăn chặn và chống lại hành vi tra tấn hoặc đối xử tàn bạo, vô nhân đạo với con người. Để có được thành tựu này chính là nhờ Việt Nam có quyết tâm chính trị cao trong việc thực hiện các khuyến nghị của Ủy ban Liên hợp quốc

³ Điều 10 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

⁴ Điều 5 Quy chế về Tạm giữ, tạm giam năm 1998 (sửa đổi, bổ sung năm 2011).

⁵ Khoản 3 Điều 4 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015.

⁶ Khoản 3 Điều 4 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

⁷ Khoản 8 Điều 10 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

về chống tra tấn. Trong mỗi lần sửa đổi hoặc ban hành luật, Quốc hội luôn xác định cần bảo đảm thực hiện những cam kết của Việt Nam trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên⁸. Ngay từ khi nghiên cứu tham gia Công ước, Ban soạn thảo Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam... đã tổ chức nghiên cứu và đề xuất việc nội luật hoá các yêu cầu của Công ước và đã được thể hiện trong quy định của các luật được ban hành năm 2015. Nhờ đó, Việt Nam đã kịp thời nội luật hoá các quy định của Công ước Chống tra tấn ngay trong năm đầu tiên trở thành thành viên Công ước này⁹.

2. Thực trạng thực thi pháp luật về chống tra tấn tại Việt Nam

Theo báo cáo quốc gia lần thứ nhất về Thực thi Công ước của liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người năm 2017, tội phạm có tính chất tra tấn ở Việt Nam không phải là tội phạm phổ biến, chỉ bắt gặp một số vụ án hình sự về Tội dùng nhục hình và số lượng các vụ án này chỉ chiếm một tỉ lệ rất nhỏ trong tổng số các vụ án hình sự được xét xử hàng năm. Ví dụ: năm 2014 là 3 vụ với 7 bị cáo/ tổng số 65.858 vụ án hình sự với 118.372 bị cáo (0,0045%); năm 2015 là 2 vụ với 9 bị cáo/ tổng số 59.196 vụ án hình sự với 106.078 bị cáo (0,0033%). Các vụ án khi được xét xử đều nghiêm minh, đúng pháp luật, chẳng hạn: vụ án Nguyễn Thân Thảo Thành, Nguyễn Minh Quyền, Phạm Ngọc Mẫn, Nguyễn Tấn Quang, Đỗ Như Huy (Công an thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên) bị Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng tuyên phạt tội dùng nhục hình với mức án cao nhất đến 05 năm tù đã cho thấy, Việt Nam kiên quyết trừng trị mọi hành vi tra tấn, bức cung, dùng nhục hình; không bao che cho bất kỳ ai, kể cả những cán bộ công quyền xâm phạm quyền cơ bản của con người; đồng thời khẳng định cam kết mạnh mẽ của Việt Nam trong việc tôn trọng và bảo vệ quyền con người.¹⁰

Qua thực tế trên có thể thấy, Việt Nam đã có khung khổ pháp lý về phòng ngừa và chống tra tấn khá đầy đủ, số lượng các vụ án liên quan đến tra tấn không nhiều, tuy nhiên việc triển khai thực hiện các quy định này trên thực tiễn vẫn nên coi là một thách thức vì đâu đó vẫn còn hiện tượng tội phạm liên quan đến tra tấn. Những con số nói trên là số liệu về các tội phạm rõ, chúng ta chưa chắc chắn tội phạm ẩn có thể đạt tới con số nào. Sự không chắc chắn này cũng có thể được lý giải trên cơ sở nhiều nguyên nhân khác nhau. Trong phạm vi nghiên cứu, chúng tôi chỉ đề cập tới một số nguyên nhân sau:

Thứ nhất, mặc dù Việt Nam triển khai rất sớm và mạnh mẽ các chương trình, đề án, kế hoạch thực hiện Công ước Chống tra tấn, song việc cải thiện trình độ nhận thức pháp luật của cán bộ, công chức chưa thể đồng đều ngay. Quá trình thay đổi nhận thức không chỉ đòi hỏi với người học, người được bồi dưỡng mà với cả người dạy nên sẽ cần nhiều thời gian và tâm huyết, có khi phải cần đến cả một thế hệ.

Thứ hai, mặc dù pháp luật đã chính thức ghi nhận nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm, việc tranh tụng trong các vụ án hình sự tuy đã được cải thiện nhưng chất lượng tranh tụng chưa được như kỳ vọng. Luật sư đã được mở rộng quyền hơn theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 song kỹ năng và kinh nghiệm tranh tụng hình sự của các luật sư bào chữa chưa được bài bản và sâu sắc (do trước đó pháp luật chưa mở rộng quyền cho họ như hiện nay). Vì vậy, lợi thế khi tham gia phiên tòa ít khi thuộc về luật sư mà thường thiên về phía người tiến hành tố tụng, đây có thể là tiền đề cho sự cầu thả, nôn nóng hoặc áp đặt định kiến của người tiến hành tố tụng đối với bị can, bị cáo – một trong những nguyên nhân dẫn đến các hành động bức cung, dùng nhục hình...

Thứ ba, cơ chế giám sát đối với hoạt động tư pháp hình sự chưa phát huy tốt hiệu quả, khiến một số vụ án oan gây chấn động dư luận khi mà người không có tội đã bị kết án về một tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, thậm chí chấp hành án một thời gian rất lâu mới được minh oan. Vậy câu hỏi đặt ra là: lý do gì khiến những người đó dù không thực hiện hành vi phạm tội lại cam chịu nhận tội và ngồi tù hàng chục năm? Có lẽ dư luận sẽ không phải nghi ngờ nếu như cơ chế giám sát hoạt động tư pháp hình sự của chúng ta vận hành tích cực và hiệu quả hơn.

Thứ tư, trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam có nhiều nhiệm vụ cần thực hiện đồng thời để phát triển đất nước. Mặc dù rất chú trọng và tích cực song nguồn lực đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ và tập huấn kỹ năng cho cán bộ tư pháp và các đối tượng khác nhằm phòng ngừa và chống tra tấn còn hạn chế. Đây là thách thức chung của các nước đang phát triển nói chung mà không riêng gì ở

⁸ Xem các Báo cáo thẩm tra dự án Bộ luật hình sự (sửa đổi), Báo cáo thẩm tra dự án Bộ luật tố tụng hình sự sửa đổi.

⁹ Báo cáo quốc gia lần thứ nhất về Thực thi Công ước của liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người năm 2017

¹⁰ Báo cáo quốc gia lần thứ nhất về Thực thi Công ước của liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người năm 2017; xem thêm <https://vnexpress.net/cong-an-dung-nhuc-hinh-gay-chet-nguoi-duoc-giam-an-3467115.html>

Việt Nam.

3. Một số kiến nghị nâng cao hiệu quả phòng ngừa và chống tra tấn ở Việt Nam

a. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật

Hệ thống pháp luật của Việt Nam tương đối đầy đủ, song để bảo đảm nâng cao nhận thức sâu sắc của người dân, đặc biệt là cán bộ thi hành pháp luật về phòng ngừa và chống tra tấn, đồng thời để củng cố cơ sở pháp lý cho việc xử lý nghiêm các hành vi đó, chúng tôi cho rằng một số văn bản luật vẫn nên tiếp tục được kiện toàn nhằm thể hiện rõ thái độ của Nhà nước một cách quyết liệt hơn nữa trong việc lên án, trừng trị các hành vi có tính chất tra tấn và quán triệt quy định của Hiến pháp năm 2013 cũng như quy định của Công ước Chống tra tấn.

Đối với Bộ luật hình sự năm 2015, chúng tôi kiến nghị tiếp tục hình sự hoá một số hành vi có tính chất tra tấn theo hướng bổ sung thêm dấu hiệu "hành hạ, gây đau khổ nghiêm trọng về thể xác" làm tình tiết định khung tăng nặng ở một số cấu thành tội phạm vì khi dấu hiệu này xuất hiện sẽ làm cho tính chất nguy hiểm của hành vi khách quan trong các cấu thành tội phạm đó tăng lên một cách rõ rệt. Cụ thể, với những tội xâm hại đến nhân phẩm, danh dự của người khác kèm theo dấu hiệu gây đau đớn nghiêm trọng về thể xác (có thể chưa đạt đến tỉ lệ tổn thương mà luật hình sự vốn đã xác định là tình tiết định khung hình phạt tăng nặng của tội đó) sẽ mang tính chất nguy hiểm cao hơn hẳn so với hành vi xâm hại nhân phẩm, danh dự thông thường. Ví dụ, gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân từ 31% trở lên là tình tiết định khung ở khoản 2 Điều 141 về Tội hiếp dâm. Vậy hiếp dâm thuộc trường hợp chủ thể bạo dâm thường có thêm hành vi hành hạ, gây đau đớn nghiêm trọng về thể xác đối với nạn nhân nhưng tỉ lệ tổn thương cơ thể dưới 31% (nghĩa là dưới 31% nhưng có dấu hiệu của tra tấn) thì nếu chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự theo khung hình phạt cơ bản với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "dùng thủ đoạn tàn ác để phạm tội" là chưa tương xứng và phù hợp với tính chất nguy hiểm của hành vi.

Đối với Luật Thi hành án hình sự năm 2019, chúng tôi kiến nghị chuyển quy định cấm "tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục người chấp hành án, biện pháp tư pháp" từ khoản 8 Điều 10 (về những hành vi bị cấm trong thi hành án hình sự) lên Điều 4 và gộp vào khoản 3 của Điều 4 thành một nguyên tắc thi hành án hình sự. Việc quy định chống tra tấn thành một *nguyên tắc* của thi hành án hình sự có ý nghĩa hết sức quan trọng vì 02 lý do sau: 1) Đây là một nội dung hiến định theo khoản 1 Điều 20 Hiến pháp năm 2013; 2) Với tư cách là một nguyên tắc thì nội dung của nguyên tắc chính là tư tưởng chủ đạo và là định hướng cơ bản được ghi nhận trong pháp luật thực định, được thể hiện trong thực tiễn áp dụng luật và thể hiện trong việc giải thích hoặc hướng dẫn luật¹¹. Khi được coi là một nguyên tắc thi hành án hình sự, nội dung của nguyên tắc ấy chính là "phương châm, định hướng quan trọng, cốt lõi, chủ yếu" trong hoạt động thi hành án hình sự thể hiện cả trong quá trình xây dựng và thực thi pháp luật thi hành án hình sự¹². Thiết nghĩ việc quy định thành một nguyên tắc thi hành án hình sự vừa đáp ứng được tầm quan trọng của một nội dung hiến định, vừa bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật – vì trên thực tế, cả Bộ luật tố tụng hình sự, Luật Thi hành tạm giữ tạm giam đều quy định cấm tra tấn thành nguyên tắc của các luật đó.

b. Kiến nghị việc tăng cường bồi dưỡng cán bộ tư pháp

Pháp luật dù được kiện toàn song một yếu tố quan trọng không thể thiếu đó là yếu tố con người, cụ thể là năng lực, trình độ và phẩm chất của đội ngũ cán bộ tư pháp làm việc trong hệ thống tư pháp hình sự. Về năng lực và trình độ đòi hỏi Nhà nước tăng cường đầu tư bồi dưỡng và huấn luyện nghiệp vụ tư pháp, đặc biệt là nghiệp vụ điều tra, đồng thời tăng cường tập huấn nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ này về các yêu cầu và trách nhiệm của họ trong việc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm nói chung cũng như đấu tranh phòng ngừa và chống tra tấn nói riêng. Về phẩm chất đòi hỏi quá trình tuyển dụng và tiếp nhận cán bộ tư pháp phải qua sàng lọc kỹ càng, tăng cường bồi dưỡng về đạo đức nghề nghiệp; đồng thời chế độ thu nhập của cán bộ cũng cần được bảo đảm tốt hơn để họ yên tâm công tác và không bị cám dỗ vật chất.

c. Kiến nghị việc nâng cao chất lượng tranh tụng trong tố tụng hình sự

Chúng ta không thể phủ nhận rằng trong thời gian gần đây, mức độ và chất lượng tranh tụng của luật sư tại phiên toà đã có nhiều biến chuyển tích cực song chất lượng tranh tụng của các luật sư bào chữa vẫn cần tiếp tục nâng cao hơn nữa. Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm được Hiến pháp năm 2013 và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định có thể được ví như là bệ phóng cho

¹¹ Lê Văn Cẩm (2020), Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phần chung. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.95-96.

¹² Nguyễn Ngọc Chí (2019), Giáo trình luật Tố tụng hình sự Việt Nam. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 68-70.

các bên tham gia tranh tụng rèn luyện, phát huy hết khả năng trí tuệ và kỹ năng nghiệp vụ của mình; là cơ sở cho một nền tư pháp vững mạnh. Khi chất lượng tranh tụng được đẩy mạnh, luật sư sẽ sắc sảo hơn trong việc lập luận để bào chữa cho thân chủ của mình – bao hàm cả việc chỉ ra những sai sót, vi phạm về thủ tục tố tụng của người tiến hành tố tụng trong đó có điều tra viên. Ngược lại, chất lượng tranh tụng được nâng cao cũng tạo ra áp lực cao cho cán bộ điều tra và những người tiến hành tố tụng phải tự hoàn thiện bản thân, phải tự nâng cao ý thức pháp luật và phải thận trọng hơn trong quá trình tiến hành tố tụng, từ đó giảm thiểu được sai sót, vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án hình sự và hạn chế được các hiện tượng bức cung, dùng nhục hình.

d. Xây dựng cơ chế giám sát hiệu quả đối với hoạt động tư pháp hình sự

Việc thực thi pháp luật luôn đòi hỏi có một cơ chế kiểm tra, giám sát. Chúng tôi đồng tình với ý kiến cho rằng cần phát huy vai trò giám sát của Ủy ban Tư pháp và của các đại biểu Quốc hội, đồng thời cần mở rộng các điều kiện cho phép các cơ quan thông tin đại chúng được giám sát thường xuyên và hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp, kể cả các cơ sở giam giữ. Ngoài ra, cần khuyến khích sự hình thành và hoạt động của các tổ chức phi chính phủ hoạt động trên lĩnh vực nhân quyền, đặc biệt là các tổ chức chuyên hoạt động bảo vệ quyền của những người bị tước tự do, chống tra tấn và hỗ trợ nạn nhân bị tra tấn¹³.

4. Kết luận

Mặc dù Việt Nam có thuận lợi trong việc thực thi Công ước Chống tra tấn do có quyết tâm cao và hệ thống pháp luật về tư pháp hình sự khá đầy đủ và bảo đảm sự tương thích với pháp luật quốc tế về chống tra tấn. Tuy nhiên quá trình thực thi pháp luật muốn đạt hiệu quả cao Việt Nam vẫn cần thêm thời gian để nâng cao trình độ nhận thức và nâng cao chất lượng nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ tư pháp, đẩy mạnh hơn nữa chất lượng tranh tụng trong các vụ án hình sự và xây dựng cơ chế giám sát hiệu quả hơn đối với các hoạt động tư pháp hình sự. Bên cạnh đó hệ thống pháp luật về tư pháp hình sự tuy khá đầy đủ song vẫn cần tiếp tục được rà soát và hoàn thiện hơn nữa để bảo đảm tính thống nhất và bảo đảm quán triệt nguyên tắc mọi người đều không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm như quy định tại khoản 1 Điều 20 của Hiến pháp năm 2013.

Tài liệu tham khảo

1. Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1946.
2. Dự thảo Hiến pháp năm 2013 được đăng tải để lấy ý kiến nhân dân từ ngày 2-1-2013 đến ngày 31-03-2013 trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ Việt Nam, xem tại: http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/congdan/DuThaoVanBan?piref135_27935_135_27927_27927.mode=detail&piref135_27935_135_27927_27927.id=748.
3. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.
4. Quy chế về Tạm giữ, tạm giam năm 1998 (sửa đổi, bổ sung năm 2011).
5. Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015.
6. Luật Thi hành án hình sự năm 2010.
7. Luật Thi hành án hình sự năm 2019.
8. Báo cáo thẩm tra dự án Bộ luật hình sự (sửa đổi), Báo cáo thẩm tra dự án Bộ luật tố tụng hình sự sửa đổi.
9. Báo cáo quốc gia lần thứ nhất về Thực thi Công ước của liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người năm 2017
10. <https://vnexpress.net/cong-an-dung-nhuc-hinh-gay-chet-nguoi-duoc-giam-an-3467115.html>
11. Lê Văn Cẩm (2020), Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phần chung. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.95-96.
12. Nguyễn Ngọc Chí (2019), Giáo trình luật Tố tụng hình sự Việt Nam. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 68-70.
13. Phạm Thanh Sơn, Vũ Công Giao (2019), Hoàn thiện khuôn khổ pháp luật về phòng, chống tra tấn ở Việt Nam. Xem tại: <http://tapchicongthuong.vn/bai-viet/hoan-thien-khuon-kho-phap-luat-ve-phong-chong-tra-tan-o-viet-nam-62242.htm>

¹³ Phạm Thanh Sơn, Vũ Công Giao (2019), Hoàn thiện khuôn khổ pháp luật về phòng, chống tra tấn ở Việt Nam. Xem tại: <http://tapchicongthuong.vn/bai-viet/hoan-thien-khuon-kho-phap-luat-ve-phong-chong-tra-tan-o-viet-nam-62242.htm>

